

**UBND TỈNH KIÊN GIANG
VĂN PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4586/VP-TH

Kiên Giang, ngày 28 tháng 6 năm 2021

V/v cung cấp thông tin, dữ liệu
chỉ tiêu KT-XH phục vụ chỉ đạo,
điều hành của Chính phủ,
Thủ tướng Chính phủ.

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 4061/VPCP-KSTT ngày 18/6/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc cung cấp thông tin, dữ liệu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (đính kèm văn bản).

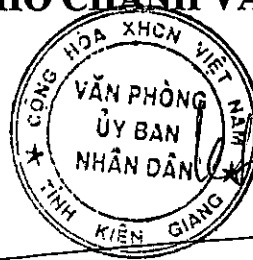
Ngày 24/6/2021, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Chín có ý kiến chỉ đạo: Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng Văn phòng UBND tỉnh tham mưu thực hiện đúng hạn theo yêu cầu tại Công văn số 4061/VPCP-KSTT.

Văn phòng UBND tỉnh thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Chín đến Sở Thông tin và Truyền thông biết, thực hiện./. *K*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; CVNC;
- Lưu: VT, btkien.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đỗ Thị Lệ Hảo

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4061/VPCP-KSTT
V/v cung cấp thông tin, dữ liệu,
chỉ tiêu KT-XH phục vụ chỉ đạo,
điều hành của Chính phủ,
Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2021

Kính gửi:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, qua công tác tổng hợp, theo dõi tình hình và phối hợp triển khai kết nối, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo qua các hệ thống thông tin, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thời gian qua¹, Văn phòng Chính phủ nhận thấy việc triển khai của các bộ, cơ quan, địa phương còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Cụ thể như sau: Có 15 bộ, cơ quan và 59 địa phương kết nối, liên thông Hệ thống thông tin báo cáo, cơ sở dữ liệu có chức năng báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (Hệ thống)², trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa thực hiện kết nối hệ thống thông tin thống kê, hệ thống thông tin phân tích dự báo với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, cũng như chưa hoàn thành kết nối 64 chỉ tiêu kinh tế - xã hội, Bộ Công Thương mới kết nối kỹ thuật, chưa cung cấp thông tin, dữ liệu báo cáo; có 08/148 chế độ báo cáo các bộ, cơ quan báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được triển khai, tích hợp với Hệ thống³; bước đầu cung cấp thông tin của 131/200 chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó nhiều chỉ tiêu chưa được cung cấp đầy đủ theo các biểu mẫu và kỳ báo cáo; có 04/12 chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Quốc hội giao Chính phủ⁴ và Chính phủ yêu cầu triển khai cung cấp trên Hệ thống trong năm 2021 đã được cung cấp, tuy nhiên kỳ dữ liệu theo năm nên chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu chỉ đạo, điều hành tại các phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng.

¹ Theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và chỉ đạo tại các Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ, Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 22/4/2019 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

² 07 bộ, cơ quan chưa kết nối, gồm: (1) Bộ Công an, (2) Bộ Giáo dục và Đào tạo, (3) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (4) Bộ Ngoại giao, (5) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (6) Thanh tra Chính phủ, (7) Ủy ban Dân tộc...; 04 địa phương chưa kết nối, gồm: (1) Bắc Kạn, (2) Đồng Tháp, (3) Tiền Giang, (4) Vĩnh Long.

³ Theo Nghị quyết 01/NQ-CP năm 2021 các bộ, cơ quan cần triển khai cung cấp 50% (74/148) chế độ báo cáo trên Hệ thống.

⁴ Theo Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2021, các bộ, cơ quan cần cung cấp 100% (12/12) chỉ tiêu trên Hệ thống.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả, kịp thời cung cấp thông tin của các bộ, cơ quan, địa phương, đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thời gian tới, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Khẩn trương rà soát, chuẩn hóa chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý phải báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (*Phụ lục I*) và báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành của bộ, cơ quan, địa phương, điện tử hóa, triển khai trên Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tích hợp, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, bảo đảm đạt tỷ lệ theo yêu cầu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2021 của Chính phủ. Các bộ, cơ quan, địa phương xác định đúng phạm vi xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, cơ quan, địa phương mình nêu tại Điều 6, Điều 18 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, Công văn số 1605/VPCP-KSTT ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ.

b) Các bộ, cơ quan, địa phương chưa hoàn thành việc kết nối, liên thông Hệ thống thông tin báo cáo, cơ sở dữ liệu có chức năng báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ khẩn trương xây dựng, hoàn thiện chức năng của Hệ thống và thực hiện tích hợp, kết nối theo yêu cầu. Thời hạn hoàn thành trước ngày 31 tháng 7 năm 2021.

2. Giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Khẩn trương rà soát, tiếp tục chuẩn hóa các biểu mẫu (trong trường hợp cần thiết) và phối hợp với Văn phòng Chính phủ⁵ rà soát việc cung cấp chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo yêu cầu tại Quyết định số 293/QĐ-TTg trên Hệ thống (theo từng biểu mẫu, kỳ dữ liệu), thực hiện cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu các chỉ tiêu (*Phụ lục II*) để làm giàu kho dữ liệu chung phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ.

Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ thống nhất phương án cung cấp 12 chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Quốc hội giao Chính phủ năm 2021 (*Phụ lục III*) trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ tại các phiên họp thường kỳ.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương hoàn thành kết nối, liên thông giữa hệ thống thông tin thống kê, hệ thống thông tin phân tích dự báo với Hệ thống

⁵ Đầu mối hỗ trợ của Văn phòng Chính phủ: Đ/c Nguyễn Thị Trà Lê, số điện thoại: 080.40521/ 0904238198, thư điện tử: nguyenthitrале@thutuchanhchinh.vn; Đ/c Nguyễn Lợi Quốc Khánh, số điện thoại: 080.40530/ 0914680395, thư điện tử: nguyennloiquockhanh@thutuchanhchinh.vn.

thông tin báo cáo Chính phủ để cung cấp các công cụ trực quan hỗ trợ phân tích, dự báo, ra quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 4, Điều 24 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP; tích hợp 64 chỉ tiêu kinh tế - xã hội với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo Quyết định số 293/QĐ-TTg. Thời hạn hoàn thành trước ngày 31 tháng 7 năm 2021.

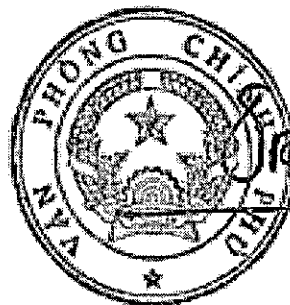
c) Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (quốc gia, chuyên ngành) kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo thời gian thực. Thời gian trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8 năm 2021.

Văn phòng Chính phủ thông báo để các bộ, cơ quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các PTTgCP (để b/c);
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, đơn vị: TH, TKBT, KTTH, CN, NN, KGVX, ĐMDN, QHQT, QHĐP, TCCV, PL, NC, V.I, TTĐT (để p/h);
- Lưu: VT, KSTT (2). NTTL

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Trần Văn Sơn

Phụ lục I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC BÁO CÁO BỘ, CƠ QUAN PHẢI BÁO CÁO
CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TRÊN HTTTBCCP
(Kèm theo Công văn số /VPCP-KSTT ngày tháng năm 2021
của Văn phòng Chính phủ)

- Tổng số báo cáo phải triển khai điện tử hóa, kết nối với, tích hợp HTTTBCCP: 148
- Số báo cáo đã triển khai trên HTTTBCCP: 08/148.
- Số báo cáo chưa kết nối, tích hợp với HTTTBCCP: 140/148.

STT	Tên báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo	Tình hình triển khai thực hiện trên HTTTBCCP
I	Bộ Xây dựng		
1	1 Báo cáo tình hình quản lý sử dụng nhà ở công vụ	Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Chưa triển khai
2	2 Báo cáo tình hình thực hiện việc hỗ trợ về nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg	Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg	Chưa triển khai
3	3 Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên phạm vi cả nước	Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Chưa triển khai
II	Bộ Tài chính		
4	1 Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi NSNN	Luật NSNN	Chưa triển khai
5	2 Báo cáo đánh giá bổ sung về tình hình thực hiện thu, chi NSNN	Luật NSNN	Chưa triển khai
6	3 Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí	Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí	Chưa triển khai
7	4 Báo cáo và công bố thông tin về nợ công; Bản tin về nợ công	Luật quản lý nợ công	Chưa triển khai
8	5 Báo cáo hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc	Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại DN	Chưa triển khai
9	6 Báo cáo gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh	Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	Chưa triển khai
10	7 Báo cáo tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước	Nghị định số 40/2020/NĐ-CP	Chưa triển khai
11	8 Báo cáo tình hình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước	Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017	Chưa triển khai
12	9 Báo cáo kết quả giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp	Nghị định số 87/2015/NĐ-CP	Chưa triển khai
13	10 Báo cáo giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	Nghị định số 87/2015/NĐ-CP	Chưa triển khai

14	11	Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm quốc gia do tổ chức xếp hạng tín nhiệm công bố và kiến nghị giải pháp cải thiện mức xếp hạng	Quyết định số 61/2013/QĐ-TTg	Chưa triển khai
15	12	Báo cáo về công tác phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại	Quy chế làm việc của BCĐQG	Chưa triển khai
16	13	Báo cáo về tình hình tổng hợp các khoản bảo lãnh đã phát hành	Nghị định số 91/2008/NĐ-CP	Chưa triển khai
III		Bộ Công Thương		
17	1	Báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Nghị định số 144/2018/NĐ-CP	Chưa triển khai
18	2	Báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch điện lực quốc gia	Luật Điện lực	Chưa triển khai
19	3	Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam	Quyết định số 30/2019/QĐ-BCT	Chưa triển khai
IV		Ngân hàng Nhà nước		
20	1	Báo cáo tình hình vay và trả của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam	Nghị định số 219/2010/NĐ-CP	Chưa triển khai
21	2	Báo cáo tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Quyết định số 13/2018/QĐ-TTg	Chưa triển khai
V		Bộ Quốc phòng		
22	1	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ quốc phòng	Nghị định số 168/2018/NĐ-CP	Chưa triển khai
VI		Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
23	1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và kiến nghị giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội	Nghị định số 138/2016/NĐ-CP	Chưa triển khai
24	2	Báo cáo tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội	Nghị quyết số 01/NQ-CP	Chưa triển khai
25	3	Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện Nghị quyết về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hàng năm	Nghị quyết số 02/NQ-CP	Chưa triển khai
26	4	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm	Luật giám sát của Quốc hội và HĐND	Chưa triển khai
27	5	Báo cáo đánh giá bổ sung tình hình kinh tế - xã hội và giải pháp trọng tâm	Luật giám sát của Quốc hội và HĐND	Chưa triển khai
28	6	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn hàng năm	Luật Đầu tư công	Chưa triển khai
29	7	Báo cáo tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia	Luật Đầu tư công	Chưa triển khai
30	8	Báo cáo tình hình thực hiện các dự án quan trọng quốc gia	Luật Đầu tư công	Chưa triển khai

31	9	Báo cáo điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của quốc gia	Luật Đầu tư công	Chưa triển khai
32	10	Báo cáo chính phủ xác định vốn đầu tư ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển của quốc gia theo từng ngành, lĩnh vực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm	Luật Đầu tư công	Chưa triển khai
33	11	Báo cáo tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước và báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chế độ báo cáo đầu tư của các cơ quan	Luật Đầu tư	Chưa triển khai
34	12	Báo cáo hoạt động quy hoạch	Luật Quy hoạch	Chưa triển khai
35	13	Báo cáo tình hình đầu tư ra nước ngoài	Luật Đầu tư	Chưa triển khai
36	14	Báo cáo tình hình thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước	Nghị định số 81/2015/NĐ-CP	Chưa triển khai
37	15	Báo cáo rà soát kiến nghị sửa đổi, bổ sung tiêu chí, danh mục, lĩnh vực, thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội	Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg	Chưa triển khai
38	16	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 98/NQ-CP của Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân	Nghị quyết số 98/NQ-CP	Chưa triển khai
VII		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
39	1	Báo cáo tình hình thực hiện quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH một thành viên nông, lâm nghiệp nhà nước	Nghị định số 168/NĐ/2016/NĐ-CP	Chưa triển khai
40	2	Báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam	Luật Lâm nghiệp	Chưa triển khai
41	3	Báo cáo kết quả thực hiện quỹ phòng chống thiên tai	Nghị định số 94/2014/NĐ-CP	Chưa triển khai
42	4	Báo cáo kết quả thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp	Nghị định số 118/2014/NĐ-CP	Chưa triển khai
43	5	Báo cáo đánh giá tình hình dịch bệnh động vật, việc khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật	Luật Thú y	Chưa triển khai
44	6	Báo cáo tình hình thực hiện và kết quả triển khai chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020	Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg	Chưa triển khai
45	7	Báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy lợi	Nghị định số 114/2018/NĐ-CP	Chưa triển khai
VIII		Bộ Khoa học và Công nghệ		

46	1	Báo cáo về hoạt động chuyển giao công nghệ	Luật Chuyển giao công nghệ	Chưa triển khai
47	2	Báo cáo về đổi mới công nghệ trên cả nước	Luật Chuyển giao công nghệ	Chưa triển khai
48	3	Báo cáo việc thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên phạm vi cả nước	Nghị định số 54/2016/NĐ-CP	Chưa triển khai
49	4	Báo cáo tình hình sử dụng, thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài	Nghị định số 27/2020/NĐ-CP	Chưa triển khai
50	5	Báo cáo thống kê số liệu về tình hình nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, các trường hợp vi phạm buộc tái xuất, xử phạt	Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg	Chưa triển khai
51	6	Báo cáo tình hình kiểm tra chất lượng hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp	Nghị định số 74/2018/NĐ-CP	Chưa triển khai
52	7	Báo cáo tình hình triển khai việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg	Chưa triển khai
53	8	Báo cáo về hoạt động quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử	Nghị định số 41/2019/NĐ-CP	Chưa triển khai
54	9	Báo cáo kiểm tra, thanh tra việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của các Khu công nghệ cao; đánh giá hiệu quả hoạt động của các Khu công nghệ cao	Nghị định số 99/2003/NĐ-CP	Chưa triển khai
55	10	Báo cáo về công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân toàn quốc	Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 10/7/2015	Chưa triển khai
IX		Bộ Giao thông vận tải		
56	1	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải thủy nội địa	Quyết định số 47/2015/QĐ-TTg	Chưa triển khai
X		Bộ Nội vụ		
57	1	Báo cáo cải cách hành chính	Nghị định số 138/2016/NĐ-CP	Chưa triển khai
58	2	Báo cáo về công tác quản lý cán bộ, công chức	Luật Cán bộ, công chức	Chưa triển khai
59	3	Báo cáo về việc thực hiện chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	Nghị định số 140/2017/NĐ-CP	Chưa triển khai
60	4	Báo cáo số lượng, chất lượng và tiền lương cán bộ công chức	Thông tư số 11/2012/TT-BNV	Chưa triển khai
61	5	Báo cáo về đội ngũ viên chức	Luật Viên chức	Chưa triển khai
62	6	Báo cáo thống kê số lượng, chất lượng viên chức và tiền lương viên chức	Thông tư số 07/2019/TT-BNV	Chưa triển khai

63	7	Báo cáo số lượng cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá xếp loại	Nghị định số 56/2015/NĐ-CP	Chưa triển khai
64	8	Báo cáo kết quả xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân	Chi thị số 33/2018/CT-TTg	Chưa triển khai
65	9	Báo cáo tổng hợp thống kê vị trí việc làm và biên chế công chức	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP	Chưa triển khai
66	10	Báo cáo đánh giá thành lập tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế	Nghị định số 98/2014/NĐ-CP	Chưa triển khai
67	11	Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của quỹ	Nghị định số 93/2019/NĐ-CP	Chưa triển khai
68	12	Báo cáo kết quả thực hiện chính sách pháp luật đối với thanh niên và việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên	Nghị định số 78/2017/NĐ-CP	Chưa triển khai
69	13	Báo cáo về hoạt động chữ thập đỏ	Luật Chữ thập đỏ	Chưa triển khai
70	14	Báo cáo về công tác quản lý hồ sơ công chức	Thông tư số 07/2019/TT-BNV	Chưa triển khai
71	15	Báo cáo về công tác quản lý hồ sơ viên chức	Thông tư số 11/2012/TT-BNV	Chưa triển khai
XI Ủy ban dân tộc				
72	1	Báo cáo công tác dân tộc	Thông tư số 01/2019/TT-UBDT	Chưa triển khai
73	2	Báo cáo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020	Chưa triển khai
XII Bộ Tư pháp				
74	1	Báo cáo thi hành Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, UBTWQH và ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành	Nghị quyết số 67/2016/QH13	Chưa triển khai
75	2	Báo cáo công tác bồi thường nhà nước	Nghị quyết số 68/2018/NĐ-CP	Chưa triển khai
76	3	Báo cáo tình hình thi hành Luật Thủ đô	Luật Thủ đô	Chưa triển khai
77	4	Báo cáo công tác thi hành án dân sự	Luật Thi hành án dân sự	Chưa triển khai
78	5	Báo cáo công tác tương trợ tư pháp	Nghị định số 92/2008/NĐ-CP	Chưa triển khai
79	6	Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ và văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của UBTWQH, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước	Nghị định số 138/2016/NĐ-CP	Chưa triển khai
80	7	Báo cáo công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Luật ban hành văn bản QPPL	Chưa triển khai

81	8	Báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Nghị định số 59/2012/NĐ-CP	Chưa triển khai
82	9	Báo cáo về công tác pháp chế	Nghị định số 55/2011/NĐ-CP	Chưa triển khai
83	10	Báo cáo về hoạt động công chứng	Luật Công chứng	Chưa triển khai
84	11	Báo cáo tổng kết về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp	Luật giám định tư pháp	Chưa triển khai
85	12	Báo cáo hàng năm về tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật	Nghị định số 133/2014/NĐ-CP	Chưa triển khai
86	13	Báo cáo về tình hình đăng ký, quản lý hộ tịch	Luật Hộ tịch	Chưa triển khai
87	14	Báo cáo về công tác pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật	Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật	Chưa triển khai
88	15	Báo cáo về công tác đăng ký biện pháp bảo đảm trong phạm vi cả nước	Nghị định số 102/2017/NĐ-CP	Chưa triển khai
89	16	Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	Luật Xử lý vi phạm hành chính	Chưa triển khai
90	17	Báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Nghị định số 55/2019/NĐ-CP	Chưa triển khai
XIII Bộ Thông tin và Truyền thông				
91	1	Báo cáo về hoạt động an toàn thông tin mạng	Luật An toàn thông tin	
92	2	Báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động thông tin đối ngoại	Thông tư số 02/2019/TT-BTTTT	Chưa triển khai
XIV Bộ Công an				
93	1	Báo cáo về công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật		Chưa triển khai
94	2	Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 99/2019/QH14 về tiếp tục thực hiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách pháp luật về phòng cháy chữa cháy	Nghị quyết số 99/2019/QH14	Chưa triển khai
95	3	Báo cáo công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam	Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam	Chưa triển khai
96	4	Báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy	Quyết định số 13/2019/QĐ-TTg	Chưa triển khai
XV Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch				
97	1	Báo cáo tình hình thực hiện Đề án tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp luật quyền tác giả, quyền liên quan đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	Nghị định số 02/2012/NĐ-CP	Chưa triển khai
98	2	Báo cáo tình hình thực hiện Đề án Tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 20/01/2017	Chưa triển khai

99	3	Báo cáo việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định số 1755/QĐ-TTg	Chưa triển khai
XVI		Bộ Giáo dục và Đào tạo		
100	1	Báo cáo về việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập	Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg	Chưa triển khai
101	2	Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh và trường THPT ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	Chưa triển khai
102	3	Báo cáo kết quả thực hiện chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số ít người	Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	Chưa triển khai
103	4	Báo cáo tình hình hợp tác đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP	Chưa triển khai
XVII		Bộ Lao động TBXH		
104		Báo cáo thực hiện chỉ tiêu quốc gia về bình đẳng giới	Luật Bình đẳng giới	Chưa triển khai
105		Báo cáo kết quả thực hiện quyền trẻ em và việc thực hiện nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, thuộc Chính phủ, địa phương	Luật Trẻ em	Chưa triển khai
106		Báo cáo tình hình thực hiện chính sách chế độ bảo hiểm xã hội, quản lý và sử dụng bảo hiểm xã hội	Luật Bảo hiểm xã hội	Chưa triển khai
XVIII		Bộ Tài nguyên và Môi trường		
107	1	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước	Luật Bảo vệ môi trường	Chưa triển khai
108	2	Báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia	Luật Đất đai năm 2013	Chưa triển khai
109	3	Báo cáo tổng hợp thông tin về chất lượng môi trường nước, trầm tích các lưu vực sông	Luật Bảo vệ môi trường	Chưa triển khai
110	4	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Luật Bảo vệ môi trường	Chưa triển khai
111	5	Báo cáo về các vùng đất ngập nước trên phạm vi toàn quốc	Nghị định số 66/2019/NĐ-CP	Chưa triển khai
112	6	Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản trong phạm vi cả nước	Nghị định số 158/2016/NĐ-CP	Chưa triển khai
113	7	Báo cáo tình hình hoạt động đo đạc bản đồ	Nghị định số 27/2019/NĐ-CP	Chưa triển khai
114	8	Báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo	Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo	Chưa triển khai
115	9	Báo cáo kết quả thống kê đất đai hàng năm của cả nước	Luật Đất đai năm 2013	Chưa triển khai

116	10	Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai 05 năm của cả nước	Luật Đất đai năm 2013	Chưa triển khai
XIX		Bộ Y tế		
117	1	Báo cáo quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm y tế	Luật Bảo hiểm y tế	Chưa triển khai
118	2	Báo cáo kết quả việc đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân	Nghị quyết 68/2013/QH13 của Quốc hội	Chưa triển khai
119	3	Báo cáo kết quả hoạt động và việc quản lý sử dụng Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá	Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá	Chưa triển khai
120	4	Báo cáo bệnh truyền nhiễm	Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm	Chưa triển khai
121	5	Báo cáo hoạt động kiểm dịch y tế	Nghị định số 89/2018/NĐ-CP	Chưa triển khai
122	6	Báo cáo công tác tiêm chủng	Nghị định số 104/2016/NĐ-CP	Chưa triển khai
123	8	Báo cáo công tác bảo đảm an toàn thực phẩm của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm	Quyết định số 300/QĐ-TTg	Chưa triển khai
124	9	Báo cáo về số vụ ngộ độc thực phẩm và số người tử vong do ngộ độc thực phẩm	Quyết định số 293/QĐ-TTg	Chưa triển khai
125	10	Báo cáo tình hình hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số	Nghị định số 39/2015/NĐ-CP	Chưa triển khai
126	11	Báo cáo kết quả thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh	Quyết định số 468/QĐ-TTg	Chưa triển khai
127	12	Báo cáo thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới	Nghị quyết số 137/NQ-CP	Chưa triển khai
128	13	Báo cáo kết quả phòng, chống tác hại của thuốc lá	Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá	Chưa triển khai
129	14	Báo cáo tình hình thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và mang thai hộ	Nghị định số 10/2015/NĐ-CP	Chưa triển khai
130	15	Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tác hại của rượu bia	Luật Phòng chống tác hại của rượu bia; Nghị định số 24/2020/NĐ-CP	Chưa triển khai
131	16	Báo cáo thực hiện Chương trình chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam	Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019	Chưa triển khai
132	17	Báo cáo thực hiện Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030	Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2020	Chưa triển khai

133	18	Báo cáo thực hiện Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030	Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020	Chưa triển khai
134	19	Báo cáo thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030	Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020	Chưa triển khai
135	20	Báo cáo thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030	Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020	Chưa triển khai
136	21	Báo cáo thực hiện Chương trình củng cố phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030	Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020	Chưa triển khai
137	22	Báo cáo về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới	Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020	Chưa triển khai
XX		Bộ Ngoại giao		
138	1	Báo cáo tuần/ngày Việt Nam ở nước ngoài	Quyết định số 33/2010/QĐ-TTg	Chưa triển khai
139	2	Báo cáo tình hình tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam	Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg	Chưa triển khai
XXI		Thanh tra Chính phủ		
140	1	Báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	Nghị định số 138/2016/NĐ-CP	Chưa triển khai
XXII		Văn phòng Chính phủ		
141	1	Báo cáo thực hiện các đề án trong chương trình công tác của Chính phủ	Nghị định số 138/2016/NĐ-CP	Đang triển khai
142	2	Báo cáo thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Nghị định số 138/2016/NĐ-CP	Đang triển khai
143	3	Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Nghị định số 138/2016/NĐ-CP	Đang triển khai
144	4	Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP	Đã triển khai
145	5	Báo cáo về tổ chức các cuộc họp	Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP	Đã triển khai
146	6	Báo cáo tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về Công báo	Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP	Đã triển khai
147	7	Báo cáo kết quả gửi, nhận văn bản điện tử	Quyết định số	Đã triển khai

		và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng	28/2018/QĐ-TTg, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP	
148	8	Báo cáo kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, cơ quan, địa phương	Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP	Đã triển khai

Phụ lục II
TÌNH HÌNH CUNG CẤP CHỈ TIÊU TỔNG HỢP BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VÀ
BÁO CÁO THỐNG KÊ VỀ KINH TẾ-XÃ HỘI THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ
293/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TRÊN HTTTBCCP
(Kèm theo Công văn số /VPCP-KSTT ngày tháng năm 2021
của Văn phòng Chính phủ)

- Tổng số chỉ tiêu cần cung cấp theo QĐ 293/QĐ-TTg: 200
- Số chỉ tiêu đã cung cấp: 131/200
- Số chỉ tiêu chưa được cung cấp: 66/200
- Số chỉ tiêu không cung cấp (Do là dữ liệu mật): 03/200

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
1	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	Tỷ VND	Quý, tháng, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
2	Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
3	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	%	Quý, tháng, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
4	Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người (tính bằng Đồng VND, Việt Nam (VND), Đô la Mỹ (USD))	Nghìn VND, USD	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
5	Tổng sản phẩm trên địa bàn	Tỷ VND	6 tháng, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
6	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	%	6 tháng, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
7	Năng suất lao động xã hội	VND/lao động	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
8	Tăng trưởng năng suất lao động xã hội	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
9	Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
10	Tỷ trọng đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
11	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
12	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu		Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
13	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị sản phẩm công nghệ cao	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
14	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong tổng sản phẩm trong nước	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
15	Giá trị tăng thêm bình quân đầu người của công nghiệp chế biến theo sức mua tương đương		Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
16	Chỉ số tiêu thụ sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
17	Chỉ số tồn kho sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
18	Cân đối một số năng lượng chủ yếu	Ktoe	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
19	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ VND	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
20	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
21	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tỷ VND	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
22	Doanh thu dịch vụ khác	Tỷ VND	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
23	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tỷ VND	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
24	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển	HK; HK.Km	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
25	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển	Tấn/tấn. km	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
26	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	Tỷ VND	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
27	Chỉ tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam	VND, USD	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
28	Chỉ tiêu của khách du lịch nội địa	VND, USD	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
29	Số lượt người nước ngoài đến Việt Nam	Triệu lượt	Tháng, quý, năm	Bộ Quốc phòng	x	
30	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Tỷ VND	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
31	Vốn đầu tư có yếu tố nước ngoài	VND và quy đổi USD	Tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
32	Tỷ trọng vốn đầu tư tư nhân trong tổng vốn đầu tư phát triển xã hội	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
33	Tỷ trọng vốn đầu tư nước ngoài trong tổng vốn đầu tư phát triển xã hội	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
34	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội so với tổng sản phẩm trong nước	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
35	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)		Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
36	Năng lực mới tăng của nền kinh tế		Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
37	Tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Triệu USD	Tháng, quý, năm	Bộ Tài chính	x	
38	Xuất siêu, nhập siêu hàng hóa	Triệu USD	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
39	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ	Triệu USD	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
40	Xuất siêu, nhập siêu dịch vụ	Triệu USD	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
41	Tỷ trọng giá trị hàng xuất khẩu đã qua chế biến trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá	%	6 tháng, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
42	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
	khẩu hàng hóa					
43	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu khoáng sản trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
44	Tỷ trọng giá trị nhập khẩu tư liệu sản xuất trong tổng giá trị nhập khẩu hàng hoá	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
45	Tỷ lệ giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ/GDP	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
46	Nhập siêu/tổng giá trị xuất khẩu	%	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
47	Tích lũy tài sản	Tỷ VND	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
48	Tiêu dùng cuối cùng	Tỷ VND	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
49	Thu nhập quốc gia (GNI)	Tỷ VND	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
50	Tỷ lệ thu nhập quốc gia so với tổng sản phẩm trong nước	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
51	Thu nhập quốc gia khả dụng (NDI)	Tỷ VND	Năm, năm	2 Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
52	Tỷ lệ tiết kiệm so với tổng sản phẩm trong nước	%	Năm, năm	2 Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
53	Tỷ lệ tiết kiệm so với tích lũy tài sản	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
54	Mức tiêu hao và tăng/giảm mức tiêu hao năng lượng cho sản xuất so với tổng sản phẩm trong nước	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
55	Thu ngân sách nhà nước và cơ cấu thu	Tỷ VND, %	Tháng, quý, năm	Bộ Tài chính	x	
56	Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	%	Quý, năm	Bộ Tài chính	x	
57	Tỷ lệ động viên thu ngân sách từ thuế, phí so với tổng sản phẩm trong nước	%	Năm	Bộ Tài chính	x	

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
58	Tỷ lệ nợ đọng thuế/tổng số thực thu ngân sách nhà nước	%	Tháng, quý, năm	Bộ Tài chính	x	
59	Chi ngân sách nhà nước và cơ cấu chi	Tỷ VND, %	Tháng, quý, năm	Bộ Tài chính	x	
60	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	%	Năm	Bộ Tài chính	x	
61	Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	%	Tháng, quý, năm	Bộ Tài chính	x	
62	Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngoài nước	%	Quý, năm	Bộ Tài chính	x	
63	Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với tổng sản phẩm trong nước	%	Năm	Bộ Tài chính	x	
64	Dư nợ công so với tổng sản phẩm trong nước	%	Năm	Bộ Tài chính	x	
65	Dư nợ Chính phủ so với tổng sản phẩm trong nước	%	Năm	Bộ Tài chính	x	
66	Dư nợ nước ngoài của quốc gia so với tổng sản phẩm trong nước	%	Năm	Bộ Tài chính	x	
67	Tỷ lệ nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ/thu ngân sách nhà nước	%	Năm	Bộ Tài chính	x	
68	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	Tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
69	Tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI)	%	Tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
70	Chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ	%	Tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
71	Chỉ số lạm phát cơ bản	%	Tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
72	Chỉ số giá sinh hoạt theo không gian	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
73	Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
74	Chỉ số giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
	và dịch vụ					
75	Chỉ số giá bất động sản	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
76	Chỉ số giá tiền lương	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
77	Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
78	Số dư huy động vốn của tổ chức tín dụng	Tỷ VND	Quý, năm	Ngân hàng Nhà nước	x	
79	Dư nợ tín dụng của tổ chức tín dụng	Tỷ VND	Quý, năm	Ngân hàng Nhà nước	x	
80	Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng	%	Quý, năm	Ngân hàng Nhà nước	x	
81	Lãi suất	%/năm	Quý, năm	Ngân hàng Nhà nước	x	
82	Tỷ giá thương mại	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
83	Tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ	VND/USD	Tháng, quý, năm	Ngân hàng Nhà nước	x	
84	Tổng phương tiện thanh toán	Tỷ VND	Quý, năm	Ngân hàng Nhà nước		Không cung cấp (do là thông tin mật)
85	Tốc độ tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán	%	Quý, năm	Ngân hàng Nhà nước		Không cung cấp (do là thông tin mật)
86	Nợ xấu	%, Tỷ VND	Quý, tháng, năm	Ngân hàng Nhà nước	x	
87	Cán cân thanh toán quốc tế	Triệu USD	Quý, năm	Ngân hàng Nhà nước		Không cung cấp (do là thông tin mật)
88	Tỷ lệ cán cân vãng lai so với tổng sản phẩm trong nước	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
89	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	Doanh nghiệp	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
90	Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động	Doanh nghiệp	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
91	Số doanh nghiệp giải thể	Doanh nghiệp	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
92	Số doanh nghiệp đăng ký tạm dừng hoạt động	Doanh nghiệp	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
93	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động	Doanh nghiệp	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
94	Vốn đăng ký bình quân/doanh nghiệp thành lập mới	Tỷ VND/doanh nghiệp	Tháng, quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
95	Số doanh nghiệp, lao động, vốn, thu nhập của người lao động, lợi nhuận của doanh nghiệp	Doanh nghiệp, lao động, triệu đồng	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
96	Trang bị tài sản cố định bình quân một lao động của doanh nghiệp	Triệu VND	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
97	Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
98	Xếp hạng Chỉ số Môi trường kinh doanh (Doing Business) của Việt Nam và các quốc gia trong khu vực ASEAN	Xếp hạng và điểm số	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
99	Số giờ nộp bảo hiểm xã hội	Giờ	Năm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x	
100	Số giờ nộp thuế của doanh nghiệp	Giờ	Năm	Bộ Tài chính	x	
101	Xếp hạng Chỉ số Năng lực cạnh tranh quốc gia 4.0 (GCI 4.0) của Việt Nam và các quốc gia trong khu vực ASEAN.	Xếp hạng và điểm số	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
102	Dân Số, mật độ dân số	- Dân số:	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
		Người - Mật độ dân số: Người/km ²				
103	Tỷ lệ tăng dân số	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
104	Tỷ số giới tính của dân số	số nam/100 nữ	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
105	Tỷ suất nhập cư, xuất cư, tỷ suất di cư thuần	‰	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
106	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
107	Lực lượng lao động	Người	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
108	Số người trong độ tuổi lao động	Người	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
109	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Người	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
110	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
111	Tỷ lệ thất nghiệp	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
112	Tỷ lệ thiếu việc làm	%	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
113	Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc	Triệu VND/tháng	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
114	Tỷ lệ lao động có việc làm trong khu vực chính thức	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
115	Cơ cấu lao động có việc làm chia theo 3 khu vực kinh tế: Nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
116	Tỷ lệ người lao động tham gia BHXH so với lực lượng lao động	%	Năm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x	

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
	trong độ tuổi lao động					
117	Tỷ lệ nghèo	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
118	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	%	Năm	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	x	
119	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều đối với huyện nghèo	%	Năm	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	x	
120	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	%	Năm	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	x	
121	Tỷ lệ xã được công nhận đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%	Năm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	x	
122	Chỉ số phát triển con người (HDI)		Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
123	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini)		2 năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
124	Số bác sĩ trên mười nghìn dân	Bác sĩ	Năm	Bộ Y tế	x	
125	Số giường bệnh trên mười nghìn dân (Không tính số giường tại các trạm y tế xã/phường/thị trấn, cơ quan.)	Giường bệnh	Năm	Bộ Y tế	x	
126	Chỉ số hài lòng người bệnh nội trú		Tháng, quý, năm	Bộ Y tế	x	
127	Số người đóng bảo hiểm y tế	Người	Năm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x	
128	Số người đóng bảo hiểm xã hội	Người	Năm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x	
129	Số người đóng bảo hiểm thất nghiệp	Người	Năm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x	
130	Số người được hưởng bảo hiểm y tế	Người	Năm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x	
131	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội	Người	Năm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x	

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
132	Số người được hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Người	Năm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x	
133	Thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Triệu VND	Quý, Năm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x	
134	Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Triệu VND	Quý, Năm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x	
135	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	%	Năm	- Chủ trì: Bộ giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê	x	
136	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
137	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Vụ, người	Tháng 6, tháng, năm	Bộ Công an	x	
138	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại.	Vụ, người	Tháng	Bộ Công an	x	
139	Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Xã, phường, thị trấn	Năm	Bộ Tư pháp	x	
140	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên bị bạo lực	%	10 năm	- Chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); - Phối hợp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		x
141	Số lượt người được trợ giúp pháp lý	lượt người	Năm	Bộ Tư pháp	x	
142	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc	Việc, %	Năm	Bộ Tư pháp	x	
143	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền	Nghìn VND, %	Năm	Bộ Tư pháp	x	
144	Tỷ lệ người nghiện ma túy và đối tượng phạm tội về ma túy so với dân	%	Tháng,	Bộ Công an		x

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
	số		quý, năm			
145	Tỷ lệ đô thị hóa	%	Năm	Bộ Xây dựng	x	
146	Tổng số nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	Căn	Năm	Bộ Xây dựng	x	
147	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² /người	5 năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
148	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	m ²	5 năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
149	Số vụ ngộ độc thực phẩm và số người tử vong do ngộ độc thực phẩm	Vụ, người	Tháng	Bộ Y tế	x	
150	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	Năm	Bộ Xây dựng	x	
151	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	2 năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
152	Số vụ vi phạm môi trường phát hiện và số vụ xử lý	vụ	Năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	
153	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
154	Tỷ lệ chất thải sinh hoạt thu gom và xử lý	%	Năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	
155	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	Năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	
156	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom và xử lý ở nông thôn	%	Năm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	
157	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom và xử lý ở đô thị	%	Năm	Bộ Xây dựng	x	
158	Tỷ lệ chất thải y tế từ các bệnh viện được xử lý theo quy định	%	Năm	Bộ Y tế	x	
159	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Năm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông	x	

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
				thôn		
160	Diện tích rừng bị cháy, chặt phá	Ha	Tháng, 6 tháng, năm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	x	
161	Diện tích rừng trồng mới tập trung	1000 Ha	6 tháng, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
162	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Đợt/tỷ VND/người	Năm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	x	
163	Tỷ lệ dịch vụ công được áp dụng trực tuyến mức độ 3 được triển khai	%	Quý, năm	Bộ Thông tin và Truyền thông	x	
164	Tỷ lệ dịch vụ công được áp dụng trực tuyến mức độ 4 được triển khai	%	Quý, năm	Bộ Thông tin và Truyền thông	x	
165	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ bằng hình thức dịch vụ công mức độ 3	%	Quý, năm	Bộ Thông tin và Truyền thông	x	
166	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ bằng hình thức dịch vụ công mức độ 4	%	Quý, năm	Bộ Thông tin và Truyền thông	x	
167	Chỉ số Cải cách hành chính (Par-Index)	Xếp hạng và Điểm số	Năm	Bộ Nội vụ	x	
168	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh (SIPAS)	%	Năm	Bộ Nội vụ	x	
169	Số lượng văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương ban hành	Văn bản	6 tháng, năm	Bộ Tư pháp	x	
170	Tình hình ban hành và nợ đọng văn bản, đề án theo chương trình công tác của Chính phủ	Văn bản	Tháng	Văn phòng Chính phủ	x	
171	Tỷ lệ kiến nghị đã trả lời và xử lý trên tổng số kiến nghị nhận được trên cổng thông tin Doanh nghiệp với Chính phủ	%	Quý, năm	Văn phòng Chính phủ	x	

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
172	Tỷ lệ kiến nghị đã trả lời và xử lý trên tổng số kiến nghị nhận được trên cổng thông tin Người dân với Chính phủ	%	Quý, năm	Văn phòng Chính phủ	x	
173	Tỷ lệ lựa chọn nhà thầu qua mạng bằng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi	%; tỷ VND	Quý, năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
174	Tổng biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước	Người	Năm	Bộ Nội vụ	x	
175	Số biên chế công chức hưởng lương từ NSNN	Người	6 tháng, năm	Bộ Nội vụ	x	
176	Tỷ lệ tinh giản biên chế công chức hưởng lương từ NSNN	%	6 tháng, năm	Bộ Nội vụ	x	
177	Số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN	Người	6 tháng, năm	Bộ Nội vụ	x	
178	Tỷ lệ tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN	%	6 tháng, năm	Bộ Nội vụ	x	
179	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ/ Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	%	Năm	Bộ Nội vụ		x
180	Số công dân được bảo hộ	Người	6 tháng, năm	Bộ Ngoại giao	x	
181	Số vụ việc/tàu cá/ngư dân vi phạm, bị bắt giữ, xét xử, phạt tù ở nước ngoài	Vụ việc/tàu/người	6 tháng, năm	Bộ Ngoại giao	x	
182	Số ngư dân được thả tự do về nước	Người	6 tháng, năm	Bộ Ngoại giao	x	
183	Số vụ việc Bảo hộ pháp nhân được giải quyết	Vụ	6 tháng, năm	Bộ Ngoại giao	x	
184	Danh hiệu được UNESCO công nhận	Danh hiệu	Năm	Bộ Ngoại giao	x	
185	Trường hợp vi phạm UNESCO nêu trong năm	Trường hợp	Năm	Bộ Ngoại giao	x	
186	Bản tin bảo hộ, khuyến cáo, cảnh báo công dân	Bản tin	6 tháng, năm	Bộ Ngoại giao	x	

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Cơ quan chủ trì báo cáo	Đã cung cấp (ít nhất 01 kỳ)	Chưa cung cấp
187	Số bài của Người phát ngôn của Bộ Ngoại giao về bảo hộ công dân	Bài	6 tháng, năm	Bộ Ngoại giao	x	
188	Số vụ thiên tai khu vực biển đông	Vụ	6 tháng, năm	Bộ Ngoại giao	x	
189	Số ngư dân được cơ quan chức năng nước ngoài cứu nạn	Người	6 tháng, năm	Bộ Ngoại giao	x	
190	Tình huống khủng hoảng	Tình huống	6 tháng, năm	Bộ Ngoại giao	x	
191	Tổng số km đường cao tốc	Km	Năm	Bộ Giao thông vận tải	x	
192	Tổng số hành khách thông qua các cảng hàng không, sân bay	Hành khách	Quý, năm	Bộ Giao thông vận tải	x	
193	Số thuê bao điện thoại di động/1.000 dân	%	Tháng, quý, năm	Bộ Thông tin và Truyền thông	x	
194	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	Năm	Bộ Thông tin và Truyền thông	x	
195	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	%	Năm	Bộ Thông tin và Truyền thông	x	
196	Doanh thu công nghệ thông tin	Tỷ VND	Năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		x
197	Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Người	2 năm	Bộ Khoa học và Công nghệ	x	
198	Số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ	Văn bằng	Năm	Bộ Khoa học và Công nghệ	x	
199	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Tỷ VND	2 Năm	Bộ Khoa học và Công nghệ	x	
200	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	Năm	Bộ Khoa học và Công nghệ	x	

Phụ lục III
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI
QUỐC HỘI GIAO CHÍNH PHỦ NĂM 2021 CÀN CUNG CẤP TRÊN HTTTBCCP
(Kèm theo Công văn số /VPCP-KSTT ngày tháng năm 2021
của Văn phòng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021 QH giao	Mục tiêu phấn đấu năm 2021 của CP	STT tương ứng tại Phụ lục QĐ 293	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, cung cấp
1.	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Khoảng 6	Khoảng 6,5	3	Bộ KHĐT
2.	GDP bình quân đầu người	USD	Khoảng 3.700	Khoảng 3.700	4	Bộ KHĐT
3.	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4	Khoảng 4	69	Bộ KHĐT
4.	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%	Khoảng 45-47	Khoảng 45-47	10	Bộ KHĐT
5.	Tốc độ tăng năng suất, lao động xã hội	%	Khoảng 4,8	Khoảng 4,8	8	Bộ KHĐT
6.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Khoảng 66	Khoảng 66	110 ¹	Bộ LĐTBXH
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	Khoảng 25,5	Khoảng 25,5		Bộ LĐTBXH
7.	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ²	%	Khoảng 91	Khoảng 91	127	Bộ YT
8.	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	Điểm %	1 - 1,5	1 - 1,5	120	Bộ LĐTBXH
9.	Tỷ lệ dân cư khu vực thành thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống; cấp nước tập trung	%	Trên 90	Trên 90	150	Bộ XD
10.	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị ³	%	Trên 87	Trên 87	157	Bộ TNMT
11.	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Khoảng 91	Khoảng 91	153	Bộ KHĐT
12.	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Khoảng 42	Khoảng 42	159	Bộ NNPTNT

¹ Tại Quyết định số 293/QĐ-TTg giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì báo cáo.

² Tại Quyết định số 293/QĐ-TTg giao Bảo hiểm Xã hội Việt Nam là cơ quan chủ trì báo cáo.

³ Tại Quyết định số 293/QĐ-TTg giao Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì báo cáo.